

Bản án số: 58/2024/DS-PT
Ngày: 20 - 02 - 2024
V/v: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Huy Cầu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Phạm Thị Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 656/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3380/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: 39/139, Highet St R, VIC 3121, Australia;

Địa chỉ liên lạc: Số B Đ, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tào Thành L, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: Đ, H, H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Ông Trương Văn H1, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: Số B khu vực P, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Do quen biết với ông Trương Thanh H2 nên bà có nhờ sư cô Quảng T đưa cho ông H2 những tài sản mà bà H đã gửi sư cô như sổ tiết kiệm, số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), 1 hợp đồng khởi kiện Nguyễn Văn T1, 03 sổ đỏ. Sau đó sư cô đã đưa tất cả tài sản trên cho ông H2. Ngày 14/01/2023 bà H đến nhà ông H2 nhận lại tất cả tài sản trên, và ông H2 đã đưa lại cho bà H, riêng số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) ông H2 hẹn lại sáng hôm sau vì ông không có tiền mặt để đưa. Sau đó bà H có nhắn tin cho ông H2, ông có hứa hẹn nhưng cho đến nay vẫn không đưa lại số tiền trên cho bà H. Do đó, bà H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H2 trả lại cho bà số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trương Thanh H2 trình bày:

Bà H có nhờ sư cô Quảng T ở Chùa B giữ những tài sản mà bà H đã gửi sư cô giữ những tài sản như sổ tiết kiệm, số tiền 50.000.000 đồng (Năm Mươi triệu đồng), 1 hợp đồng khởi kiện Nguyễn Văn T1, 03 sổ đỏ. Sau đó sư cô đã đưa tất cả tài sản trên cho ông H2. Ngày 14/01/2023 bà H đến nhà ông nhận lại tất cả tài sản trên nhưng đối với số tiền 50.000.000 đồng (Năm Mươi triệu đồng) ông H2 giữ lại không giao cho bà H, lý do ông H2 giữ lại số tiền 50.000.000 đồng (Năm Mươi triệu đồng) vì bà H chưa trả tiền hoa hồng việc ông đã bán nhà dùm cho bà H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 04 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đã quyết định như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Buộc ông Trương Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2023 bị đơn ông Trương Văn H1 kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Trương Văn H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, giữ nguyên lời trình bày đã nêu trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp cho ông.

Trong phần tranh luận:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện thủ tục đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thừa nhận có giữ 50 triệu đồng của nguyên đơn nên Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn H1 làm trong thời hạn quy định pháp luật nên hợp lệ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị H (có ông Tào Thành L là đại diện theo ủy quyền) vắng mặt. Xét, nguyên đơn đã có lời trình bày trong hồ sơ vụ án, sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn không có kháng cáo, đã được Tòa án triệu tập theo quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà Trần Thị H có gửi bị đơn ông Trương Văn H1 số tiền 50.000.000 đồng, và một số tài sản khác thông qua sư cô Quảng T ở Chùa B. Ngày 14/01/2023 bà H đến nhà ông H1 để nhận lại tài sản, nhưng ông H1 không trả lại số tiền 50.000.000 đồng, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H1 trả lại số tiền trên.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông H1 thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng là của bà H gửi ông giữ thông qua sư cô Q, và ông vẫn đang giữ số tiền này chưa trả lại cho bà H. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc ông H1 trả lại số tiền trên là đúng quy định tại Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông H1 kháng cáo cho rằng lý do ông không trả lại tiền là do bà H còn nợ tiền hoa hồng, mà bà H đã nhờ ông bán dùm căn nhà ở đường U. Xét, thỏa thuận giữa bà H với ông H1 liên quan đến việc mua bán căn nhà ở đường U là giao dịch dân sự khác, không liên quan đến quan hệ gửi giữ tài sản đối với số tiền 50.000.000 đồng, nên yêu cầu kháng cáo của ông H1 là không có cơ sở để chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

I/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Trương Văn H1;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị H.

Buộc ông Trương Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị H số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

II. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trương Văn H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001905 ngày 16/8/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- Cục THADS thành phố Cần Thơ;
- NĐ (1);
- BD (1);
- Lưu (10) 17b (Án TTKY).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Huy Cầu